

TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ
TỔ: SINH HỌC - KTCN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 – 2023
Môn: SINH HỌC – Khối lớp 12
Thời gian làm bài: 45 phút

HÌNH THỨC KIỂM TRA: 100% TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN.

| Tên chủ đề | Nhận biết (40%) | Thông hiểu (30%) | Vận dụng thấp (20%) | Vận dụng cao (10%) | Tổng |
|--|---|---|---|---|--------------|
| | TNKQ | TNKQ | TNKQ | TNKQ | |
| Chủ đề: Sự phát sinh sự sống và hình thành loài người | <ul style="list-style-type: none">- Nêu khái niệm tiến hóa hóa học, tiền sinh học.- Nêu khái niệm hóa thạch.- Liệt kê vai trò của hóa thạch. | <ul style="list-style-type: none">- Xác định được sinh vật điển hình ở đại Trung sinh và Tân sinh.- Xác định được mối quan hệ giữa các loài với loài người.- Xác định vai trò của tiến hóa văn hóa với quá trình phát triển của loài người. | | | |
| Số câu | 2 | 4 | 0 | 0 | 6 |
| Điểm | 0,625 | 1,25 | 0 | 0 | 1,875 |
| Bài: Môi trường và các nhân tố sinh thái | <ul style="list-style-type: none">- Liệt kê được môi trường sống của các loài.- Liệt kê các nhân tố vô sinh, hữu sinh- Nêu khái niệm giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, khoảng chống chịu, ổ sinh thái.- Xác định được các giá trị về giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, | <ul style="list-style-type: none">- Xác định các giá trị trong giới hạn sinh thái thông qua hình vẽ.- Phân biệt ổ sinh thái và nơi ở . | <ul style="list-style-type: none">- Phân tích sự ảnh hưởng của giới hạn sinh thái lên đời sống sinh vật.- Phân tích ổ sinh thái của các sinh vật cùng loài và khác loài. | Nêu những vận dụng kiến thức giới hạn sinh thái, ổ sinh thái vào thực tế. | |

| Tên chủ đề | Nhận biết (40%) | Thông hiểu (30%) | Vận dụng thấp (20%) | Vận dụng cao (10%) | Tổng |
|---|---|--|--|--|---------------|
| | TNKQ | TNKQ | TNKQ | TNKQ | |
| | khoảng chống chịu của một số loài thực vật, động vật. | | | | |
| Số câu | 4 | 1 | 1 | 1 | 7 |
| Điểm | 1,25 | 0,3125 | 0,625 | 0,3125 | 1,875 |
| Chủ đề: Quần thể sinh vật và đặc trưng của quần thể. | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định ví dụ quần thể sinh vật. - Liệt kê các mối quan hệ trong quần thể. - Liệt kê các hình thức hỗ trợ, cạnh tranh cùng loài của động vật và thực vật. - Nêu khái niệm tuổi sinh lí, tuổi sinh thái, tuổi quần thể. - Nêu khái niệm tỉ lệ giới tính và liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ giới tính. mật độ, kích thước, kích thước tối đa, kích thước tối thiểu của quần thể sinh vật. - Liệt kê các nhân tố ảnh hưởng đến kích thước quần thể sinh vật. | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt các ví dụ về quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh trong quần thể. - Xác định được kiểu tăng trưởng của quần thể. - Phân biệt ý nghĩa của quan hệ cạnh tranh, quan hệ hỗ trợ trong quần thể. - Xác định đặc điểm, ý nghĩa của kiểu phân bố. - Phân biệt sự ảnh hưởng của các nhân tố mức độ sinh sản, mức độ tử vong, mức độ nhập cư, mức độ di cư lên kích thước của quần thể. | <ul style="list-style-type: none"> - Hậu quả khi kích thước của quần thể tăng quá tối đa và giảm quá tối thiểu. Nguyên nhân của những hậu quả đó. - Phân tích đặc điểm của cấu trúc tuổi của quần thể. - Phân tích sự ảnh hưởng của mật độ cá thể quần thể lên các đặc trưng khác. - Xác định được ý nghĩa của việc nghiên cứu nhóm tuổi. | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích sự ảnh hưởng của kích thước, mật độ của quần thể lên quần thể. - Xác định được vận dụng của con người vào trồng trọt, chăn nuôi và đánh bắt thủy hải sản khi biết các đặc trưng của quần thể. - Phân tích mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh trong quần thể. | |
| Số câu | 5 | 4 | 4 | 2 | 15 |
| Điểm | 1,5625 | 1,25 | 0,9375 | 0,625 | 4,6875 |

| Tên chủ đề | Nhận biết (40%) | Thông hiểu (30%) | Vận dụng thấp (20%) | Vận dụng cao (10%) | Tổng |
|--|--|---|---|--------------------|---------------|
| | TNKQ | TNKQ | TNKQ | TNKQ | |
| Bài Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái niệm biến động số lượng cá thể của quần thể, khái niệm các dạng biến động. - Cho ví dụ về các nhân tố gây ra biến động. - Nêu khái niệm trạng thái cân bằng của quần thể. | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt biến động số lượng theo chu kỳ và không theo chu kỳ. - Phân biệt được các nhân tố phụ thuộc mật độ và không phụ thuộc mật độ của quần thể. | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nguyên nhân gây ra biến động số lượng cá thể của quần thể. - Phân tích tác động của các nhân tố tỉ lệ sinh sản, tử vong, xuất cư và nhập cư để điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể về trạng thái cân bằng. | | |
| Số câu | 2 | 1 | 2 | 0 | 4 |
| Điểm | 0,625 | 0,3125 | 0,625 | 0 | 1,5625 |
| Tổng số câu | 13 | 10 | 6 | 3 | 32 |
| Tổng điểm | 4,0625 | 3,125 | 1,875 | 0,9375 | 10 |